

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2022/HS-ST
Ngày 25-5-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Minh Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hà Thị Mão

Bà Nguyễn Thị Tư

- Thư ký phiên toà: Bà Lương Thị Thu Hà - Thư ký Toà án nhân dân quận N, thành phố H

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận N, thành phố H tham gia phiên toà: Bà Tô Thị Hoài Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2022/TLST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2022/ QĐXXST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Trương Thị N, sinh ngày 01 tháng 12 năm 1971 tại H. Nơi cư trú: Số 2CT1Đ8 Đ, quận N, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Trương Văn Mậu (đã chết) và bà Nguyễn Thị Phin (đã chết); có chồng là Lê Thanh Long (đã ly hôn) và 03 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án: Bản án số 68/2014/HSPT ngày 30/7/2014 Tòa án nhân dân thành phố H xử 08 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; tiền sự: Không; bị bắt ngày 12/9/2021; tạm giữ từ ngày 12/9/2021, tạm giam từ ngày 15/9/2021; có mặt.

2. Nguyễn Đức H, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1975 tại H. Nơi ĐKKHKT: Số 80 đường Nguyễn Bình Khiêm, phường Lạch Tray, quận N, thành phố H; nơi tạm trú: Tổ 6 bờ mương An Kim Hải, phường Đ, quận N, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Hữu Quang và bà Nguyễn Thị Dung; có vợ là Vũ Thị Thơ (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2001; tiền án: Bản án số

18/STHS ngày 05/9/2002 Tòa án nhân dân huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên xử 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Bản án số 14/HSST ngày 20/3/2007 Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên xử 03 năm 06 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 368/STHS ngày 07/11/1991 Tòa án nhân dân thành phố H xử 05 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm về tội Cướp tài sản của công dân; Bản án số 98/HSST ngày 19/9/1994 Tòa án nhân dân quận N, thành phố H xử 03 tháng tù về tội Đánh bạc. Tổng hợp hình phạt với bản án 368 ngày 07/11/1991 của Tòa án nhân dân thành phố H là 05 năm 03 tháng tù; Bản án số 25/HSST ngày 07/3/1995 Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố H xử 12 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích. Tổng hợp hình phạt với bản án 98 ngày 19/9/1994 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố H là 06 năm 03 tháng tù (đều đã được xóa án tích); bị bắt ngày 11/9/2021; tạm giữ từ ngày 12/9/2021, tạm giam từ ngày 15/9/2021; có mặt.

3. Chu Văn T, sinh ngày 05 tháng 11 năm 1980 tại H. Nơi cư trú: Số 3/81/81 Phạm Hữu Điều, phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân, thành phố H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Chu Văn Xuyên (đã chết) và bà Bùi Thị Phi; có vợ là Đàm Thị Huyền (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2008; tiền án: Bản án số 136/HSST ngày 13/4/2000 Tòa án nhân dân thành phố H xử 06 năm tù về tội Cướp tài sản của công dân; Bản án số 81/2009/HSST ngày 21/5/2009 Tòa án nhân dân thành phố H xử 12 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 32 ngày 20/2/1997 Tòa án nhân dân thành phố H xử 02 năm tù về tội Cướp tài sản của công dân (thời điểm phạm tội 15 tuổi 11 tháng nên được coi là không có án tích); bị bắt ngày 12/9/2021; tạm giữ từ ngày 12/9/2021, tạm giam từ ngày 15/9/2021; có mặt.

4. Châu Quang T, sinh ngày 23 tháng 7 năm 1970 tại H. Nơi ĐKHKTT: Số 55/83 Chùa Hàng, phường Hồ N, quận Lê Chân, thành phố H; chỗ ở hiện tại: Không có nơi ở cố định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Con ông: Châu Văn Châu (đã chết) và bà Vũ Thị Thêu (đã chết); chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 195/HSST ngày 12/12/1996 Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố H xử 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân; Bản án số 366/HSST ngày 20/8/1998 Tòa án nhân dân thành phố H xử 09 năm tù về tội Cướp tài sản của công dân; Bản án số 128/HSST ngày 12/11/2002 Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố H xử 42 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích. Tổng hợp hình phạt tù còn phải thi hành của bản án 366 ngày 20/8/1998 của Tòa án nhân dân thành phố H là 54 tháng 21 ngày. Buộc bị cáo T phải thi hành hình phạt chung là 96 tháng 21 ngày (đều đã được xóa án tích); bị bắt ngày 11/9/2021; tạm giữ từ ngày 12/9/2021, tạm giam từ ngày 15/9/2021; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức H:* Ông Trịnh Văn N - Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Trịnh Khắc Triệu, Đoàn luật sư thành phố H; có mặt.

- *Điều tra viên:* Ông Lê Đức H, Điều tra viên Công an quận N, thành phố H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 11/9/2021 Công an quận N bắt quả tang Châu Quang T có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy tại khu vực trước cửa chung cư H, phường Đ, quận N, thành phố H.

Tang vật thu giữ: 02 gói nilon có kích thước khoảng 2x2 (cm), bên trong chứa chất tinh thể màu trắng (mẫu số 05); 01 điện thoại di động Nokia màu đen đã qua sử dụng; 01 xe mô tô hai bánh nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Nouvo BKS: 15B1-20307 đã qua sử dụng.

Tại Cơ quan điều tra, Châu Quang T khai nhận: Qua quan hệ xã hội, Châu Quang T quen biết với Trương Thị N và bạn trai của N là Nguyễn Đức H. Khoảng tháng 8 năm 2021, Châu Quang T đến nhà N ở số 2CT1Đ8 Đ, quận N, thành phố H để giúp N sửa bếp và từ thời gian này T đã nhiều lần giúp N đi bán ma túy đá cho người nghiện. Khoảng 15 giờ ngày 08/9/2021, T một mình đến nhà N tại số 2CT1Đ8 Đ, quận N, thành phố H thì gặp N, H đang ở nhà. Lúc này, có một người đàn ông không quen biết gọi điện cho N và hỏi mua của N 01 gói ma túy đá với giá 200.000 đồng. N đồng ý và hẹn người đàn ông này giao dịch mua bán ma túy tại khu vực gầm cầu vượt đường bao Nguyễn Văn Linh, quận Lê Chân, thành phố H. N nói với H lấy 01 gói ma túy đá ở trong nhà đưa cho T cầm ra điểm hẹn bán cho khách. H đồng ý và lấy 01 gói nilon kích thước khoảng 02x02(cm) bên trong chứa tinh thể màu trắng là ma túy đá đưa cho T. N bảo T cầm gói ma túy trên đem ra khu vực gầm cầu vượt đường bao Nguyễn Văn Linh để bán cho khách với giá 200.000 đồng. T đồng ý, cầm gói ma túy H đưa rồi đi một mình đến điểm hẹn bán cho khách. Tại đây, T gặp và bán cho 01 người đàn ông không quen biết khoảng ngoài 30 tuổi (người này đeo khẩu trang nên T không nhìn rõ mặt) 01 gói ma túy đá với giá 200.000 đồng. Bán được ma túy, T cầm về đưa cho N 200.000 đồng và N trả cho T 50.000 đồng tiền xăng xe. Đến khoảng 19 giờ ngày 11/9/2021, T gặp bạn xã hội tên là Hoa (hiện không xác định được lai lịch, địa chỉ) trên đường Lạch Tray, quận N, thành phố H. Hoa hỏi mua của T 01 gói ma túy đá với giá 250.000 đồng. T đồng ý và hẹn Hoa giao dịch mua bán ma túy vào khoảng 21 giờ cùng ngày tại khu vực trước cửa khu chung cư H, phường Đ, quận N, thành phố H. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, T một mình đi đến nhà N, lúc này có N và H ở nhà. Tại

nhà N, T hỏi mua của N 02 gói ma túy đá, mỗi gói giá 200.000 đồng và thỏa thuận bán được ma túy sẽ trả tiền cho N sau. N đồng ý và bảo H lấy 02 gói ma túy đá trong nhà đưa cho T. H đồng ý và lấy 02 gói nylon kích thước khoảng 2x2 (cm), bên trong mỗi gói có chứa tinh thể màu trắng là ma túy đá đưa cho T. T cầm 02 gói ma túy đá H đưa cất giấu vào trong người rồi đem đi bán cho Hoa. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, khi T đi đến khu vực trước cửa khu chung cư H, phường Đ thì bị Công an quận N bắt quả tang thu giữ vật chứng. T khai nhận 01 gói ma túy đá T cầm ở tay mục đích sẽ bán cho Hoa với giá 250.000 đồng và kiếm lời 50.000 đồng nhưng chưa kịp bán thì bị công an bắt giữ; 01 gói ma túy đá thu trong giày của T mục đích nếu có ai hỏi mua T sẽ bán để kiếm lời. Tiền kiếm lời từ việc bán ma túy T dùng để chi tiêu sinh hoạt cá nhân. Về nguồn gốc chiếc xe Nouvo BKS: 15B1-203.07, T khai nhận là của Nguyễn Đức H, T đã thỏa thuận mua lại chiếc xe trên của H với giá 03 triệu đồng. Tuy nhiên, T mới trả cho H số tiền 01 triệu nên H chưa giao đăng ký xe và chưa viết giấy mua bán xe cho T. Chiếc điện thoại Nokia màu đen đã qua sử dụng T bị Cơ quan điều tra thu giữ không phải của T mà là của H. Do khi đến nhà N, T cầm nhầm điện thoại của H, còn điện thoại của T bị rơi ở đâu T không biết. Giữa T, N và H không có mâu thuẫn, thù oán gì với nhau.

Căn cứ lời khai của Châu Quang T và các tài liệu liên quan, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận N thực hiện Lệnh giữ người trong T hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Đức H và Trương Thị N về hành vi mua bán trái phép chất ma túy; thu giữ của H 01 điện thoại di động VIVO OPPO màu xanh đã qua sử dụng; thu giữ của N 01 điện thoại di động Iphone màu đen đã qua sử dụng.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Trương Thị N ở số 2CT1Đ8 Đ, quận N, thành phố H Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận N thu tại gian bếp 01 cân tiểu ly, 01 gói nylon kích thước khoảng 02x02(cm) bên trong chứa tinh thể màu trắng (mẫu số 1); thu trong tủ quần áo ở phòng khách 01 gói nylon kích thước khoảng 02x02(cm) bên trong chứa tinh thể màu trắng (mẫu số 2); thu tại bàn uống nước trong phòng khách 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá gồm 01 chai nhựa có nắp đậy 02 lỗ, một lỗ cắm ống hút nhựa, 01 lỗ cắm tẩu thủy tinh bên trong tẩu còn bám dính tạp chất màu nâu đen (mẫu số 04), 01 bật lửa gas, 01 ống hút nhựa dài khoảng 07 (cm) một đầu cắt vát và 30 vỏ gói nylon kích thước các loại; thu trong tủ kệ tivi 01 hộp nhựa kích thước khoảng 03x05 (cm) đường kính khoảng 03 (cm) bên trong chứa 23 viên nén màu xanh hình tròn có đường kính khoảng 0,3 (cm), một mặt dập logo (LV) (mẫu số 3).

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Đức H ở tổ 6 Bờ mương An Kim Hải, phường Đ, quận N, thành phố H, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận N không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Kết luận giám định số 532/KLGD-MT ngày 15/9/2021 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an thành phố H kết luận: Tinh thể màu trắng của mẫu số 01 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,33 gam là loại Methamphetamine. Tinh thể màu trắng của mẫu số 02 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,51 gam là loại Methamphetamine. Các viên nén hình tròn màu xanh của mẫu số 3 gửi giám định là ma túy có khối lượng 8,49 gam là loại Methamphetamine, Ketamine và Delta9-Tetrahydrocannabinol. Tạp chất màu nâu đen bám dính trong bầu thủy tinh của mẫu số 4 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, không đủ điều kiện xác định khối lượng ma túy bám dính trên. Tinh thể màu trắng của mẫu số 5 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 1,38 gam là loại Methamphetamine.

Kết luận giám định số 8108/C09-TT2 ngày 12/11/2021 và Công văn trả lời số 527/C09-TT2 ngày 22/3/2022 của Viện khoa học hình sự, Bộ Công an kết luận: Khối lượng chất ma túy Methamphetamine trong 8,49 gam của mẫu số 3 là 0,0084 gam.

Kết luận giám định số 769/KLGD-SK.SM ngày 30/9/2021 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an thành phố H kết luận: Xe mô tô hai bánh nhãn hiệu YAMAHA mang BKS: 15B1-203.07 là số nguyên thủy của nhà sản xuất đóng, không phát hiện có sự tẩy xóa hoặc sửa chữa.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Đức H khai nhận: Khoảng tháng 6/2021, H có quan hệ tình cảm với Trương Thị N nên thường đến nhà N ở số 2CT1Đ8 Đ, quận N, thành phố H ăn ở sinh hoạt. Quá trình sinh hoạt tại nhà N, H biết N thường lấy ma túy trong nhà N để bán cho người nghiện ở cổng chợ Đ. N không bàn bạc gì với H việc mua ma túy về để bán lại kiếm lời. Khi N bận thì N có nhờ H đưa ma túy đá cho T để T đem đi bán. H không hưởng lợi gì từ việc giúp N bán ma túy đá. Số tiền kiếm lời từ việc mua bán ma túy N dùng để chi tiêu sinh hoạt của N, H và gia đình. T bộ số ma túy và đồ vật liên quan đến ma túy thu giữ khi khám xét nhà N là của N. H không biết N mua ma túy của những ai nhưng vào đêm ngày 09/9/2021, khi H ở nhà N thì thấy Chu Văn T bán cho N 01 gói ma túy đá. H nghe thấy T nói gói ma túy đá nặng 10 gam còn số tiền mua bán ma túy cụ thể bao nhiêu H không biết. Ngoài ra H còn khai nhận: Khoảng 15 giờ ngày 08/9/2021, khi H và N đang ở nhà N thì có Châu Quang T đến chơi. Lúc này, N bảo H có khách hỏi mua ma túy đá giá 200.000 đồng. N nhờ H lấy 01 gói ma túy đá ở bàn uống nước đưa cho T để T đi bán cho khách. H đồng ý và cầm 01 gói ma túy đá kích thước khoảng 02x02(cm) bên trong chứa tinh thể màu trắng là ma túy đá đưa cho T. Khoảng 20 giờ ngày 11/9/2021, khi N và H đang ở nhà N nói với H có khách hỏi mua ma túy đá. N bảo H lấy 02 gói ma túy đá trong phòng khách đưa cho T để T đem đi bán cho khách. H đồng ý và đi vào nhà lấy 02 gói nilon có kích thước khoảng 2x2(cm), bên trong mỗi gói có chứa tinh thể màu trắng là ma túy đá đưa

cho T. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày thì Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận N thực hiện khám xét khẩn cấp nơi ở của N và dẫn giải H về trụ sở để làm việc.

Ngoài ra, H còn khai: Vào chiều ngày 11/9/2021, N có nhờ H vay hộ N số tiền 5.000.000 đồng nên H đã đi vay và đưa trực tiếp cho N 5.000.000 đồng tiền mặt. N sử dụng vào việc gì thì H không biết. H sử dụng 02 số điện thoại di động gồm số “0924127814” và số “0988509299”, trong đó số điện thoại “0924127814” H lắp vào điện thoại OPPO màu xanh và bị Cơ quan Công an thu giữ, còn số điện thoại “0988509299” H lắp vào điện thoại NOKIA đen trắng. Đối với chiếc điện thoại NOKIA đen trắng H khai nhận ngày 11/9/2021 H để chiếc điện thoại này tại nhà N, do ít sử dụng nên H để lung tung, ai cầm sử dụng thì H không biết. Đối với chiếc xe mô tô Nouvo BKS: 15B1-203.07, H khai nhận là của H mua cũ của một bạn xã hội tên Thanh (không rõ căn cước, lai lịch) với giá 3.000.000 đồng, có giấy đăng ký xe. Khoảng 01 tuần trước khi bị bắt, H thỏa thuận bán chiếc xe trên cho Châu Quang T với giá 3.000.000 đồng. Do T mới trả cho H 1.000.000 đồng nên H chưa giao đăng ký xe và viết giấy bán xe cho T.

Quá trình điều tra, Trương Thị N khai nhận: Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên khoảng tháng 5 năm 2021, N nảy sinh ý định mua ma túy đá về bán kiếm lời. Qua quan hệ xã hội, N và Nguyễn Đức H quen biết và có quan hệ tình cảm với nhau nên khoảng tháng 6 năm 2021, H thường đến nhà N ở số 2CT1Đ8 Đ để ăn ở sinh hoạt. Thông qua H, N quen Chu Văn T và biết T có bán ma túy đá. N thường mua của T 2.500.000 đồng ma túy đá đem về nhà ở số 2CT1Đ8 Đ chia nhỏ vào các gói nilon để bán kiếm lời (N không nhớ cụ thể chia nhỏ được bao nhiêu gói). Bán hết số ma túy này N thu về số tiền 4.000.000 đồng, hưởng lợi số tiền 1.500.000 đồng. Lần gần nhất N mua ma túy đá của T là vào ngày 09/9/2021, N gọi điện hỏi mua của T 10 gam ma túy đá. N và T thỏa thuận mua bán 10 gam ma túy đá với giá là 5.000.000 đồng. Khoảng tối ngày 09/9/2021, tại nhà N ở số 2CT1Đ8 Đ, T giao cho N 01 gói nilon kích thước khoảng 05x05(cm) chứa tinh thể màu trắng là ma túy đá được đựng trong 01 vỏ bao thuốc lá. N hẹn T một, hai hôm nữa bán được ma túy N sẽ trả tiền cho T sau, T đồng ý rồi đi về. Việc N và T giao dịch mua bán ma túy đá tại nhà N có Nguyễn Đức H chứng kiến.

Trương Thị N đã bán ma túy đá cho nhiều người N không nhớ cụ thể từng lần, N chỉ nhớ những lần sau: Khoảng 15 giờ ngày 08/9/2021, khi N và H đang ở nhà N thì có Châu Quang T đến nhà. Lúc này, có 01 người đàn ông không quen biết gọi điện cho N và hỏi mua của N 01 gói ma túy đá với giá 200.000 đồng. N đồng ý và hẹn người đàn ông này giao dịch mua bán ma túy tại gầm cầu vượt trên đường Nguyễn Văn Linh, quận Lê Chân, thành phố H. Sau đó N nói với H lấy 01 gói ma túy đá ở bàn uống nước trong nhà N để đưa cho T cầm ma túy đi bán cho

khách. H đồng ý và lấy 01 gói nilon kích thước khoảng 02x02 cm bên trong chứa tinh thể màu trắng là ma túy đá đưa cho T. N nói với T là cầm gói ma túy đem ra đường Nguyễn Văn Linh, quận Lê Chân, thành phố H để bán cho khách với giá 200.000 đồng. T đồng ý, N cho T số điện thoại của khách để liên lạc. T cầm gói ma túy H đưa rồi T một mình đi đến nơi hẹn để bán gói ma túy cho khách. Bán được ma túy, T cầm số tiền 200.000 đồng đưa cho N, N nhận tiền và trả cho T 50.000 đồng tiền công. Khoảng 20 giờ ngày 11/9/2021, khi N và H đang ở nhà N thì T đến và hỏi mua của N 02 gói ma túy đá, mỗi gói giá 200.000 đồng, hẹn trả tiền sau. N đồng ý và bảo H lấy 02 gói ma túy đá trên bàn phòng khách bán cho T. H đồng ý và lấy 02 gói nilon có kích thước khoảng 02x02 cm, bên trong mỗi gói có chứa tinh thể màu trắng, là ma túy đá đưa cho T. Sau đó N có việc đi ra khỏi nhà. Đến ngày 12/9/2021, Công an quận N thực hiện Lệnh giữ người trong T hợp khẩn cấp đối với N về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy.

Ngoài ra, Trương Thị N còn khai: Nguồn gốc số ma túy đá Cơ quan điều tra thu giữ tại nhà N và thu giữ của T là N mua của T vào ngày 09/9/2021. Nguồn gốc 23 viên nén màu xanh hình tròn thu giữ tại nhà N là do N mua của một người bạn xã hội tên Biên (hiện không xác định được căn cước, lai lịch) vào sáng ngày 11/9/2021 với giá 1.500.000 đồng, N chưa trả tiền cho Biên. N dự định sẽ bán số ma túy trên với giá 2.500.000 đồng để kiếm lời. Tuy nhiên N chưa kịp bán thì bị Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp nơi ở và thu giữ T bộ số ma túy trên. Ngoài việc mua bán ma túy đá với T, khoảng tháng 8 năm 2021, N có vay của T số tiền 40.000.000 đồng, không có giấy tờ vay nợ. N đã trả cho T số tiền 10.000.000 đồng chia làm 02 lần. Lần thứ nhất N trả trực tiếp cho T 5.000.000 đồng tiền mặt. Lần thứ hai là vào khoảng 19 giờ ngày 11/9/2021, T đến nhà N thì H dùng điện thoại của N chuyển khoản số tiền 5.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng của N vào tài khoản ngân hàng của T. N vẫn còn nợ T số tiền 30.000.000 đồng và 5.000.000 đồng tiền ma túy đá mua của T vào ngày 09/9/2021. Ngoài khoản nợ và giao dịch mua bán ma túy đá với T, N khẳng định không vay nợ hay buôn bán kinh doanh gì khác với T. T bộ số ma túy, đồ vật liên quan đến ma túy mà cơ quan điều tra thu giữ là của N mục đích N sử dụng vào việc mua bán kiếm lời. Số tiền kiếm lời từ việc bán ma túy N sử dụng vào việc chi tiêu sinh hoạt hàng ngày.

Căn cứ lời khai của Trương Thị N và Nguyễn Đức H cùng các tài liệu liên quan, ngày 12/9/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận N thực hiện Lệnh giữ người trong T hợp khẩn cấp đối với Chu Văn T về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Thu giữ của T 01 điện thoại di động Nokia màu đen đã qua sử dụng.

Tại Cơ quan điều tra, Chu Văn T khai nhận: Qua quan hệ xã hội, T quen biết với Nguyễn Đức H và bạn gái của H là Trương Thị N ở số 2CT1Đ8 Đ, quận N, thành phố H. Khoảng 19 giờ ngày 09/9/2021, khi T đang ở nhà thì N gọi điện thoại

và hỏi mua của T 10 gam ma túy đá. T đồng ý. Lúc này T lấy điện thoại gọi cho Tuấn (bạn quan hệ xã hội, không rõ căn cước lai lịch) và nói với Tuấn là “N hỏi mua 10 gam ma túy đá”. Tuấn đồng ý bán số ma túy trên với giá 5.000.000 đồng. Tuấn bảo T ra bãi rác đầu ngõ Lâm Tường, quận Lê Chân, thành phố H lấy ma túy về bán cho N. Khoảng 01 giờ sau, T đến điểm hẹn thì thấy 01 bao thuốc lá bên trong có 01 gói nilon kích thước khoảng 05x05 cm bên trong chứa tinh thể màu trắng là ma túy đá. Lấy được ma túy, T cất giấu vào trong người và đi đến nhà N ở số 2CT1Đ8 Đ, quận N, thành phố H. Tại nhà N, T gặp N và H đang ở trong nhà. T cầm bao thuốc lá bên trong chứa gói ma túy đá bán cho N. N cầm gói ma túy T đưa và hẹn T một, hai hôm nữa trả tiền sau. T đồng ý và đi về nhà. Khoảng 19 giờ ngày 11/9/2021, T đến nhà N để lấy tiền. Tại nhà N, H trả cho T số tiền 5.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng Vietinbank của T. Nhận được tiền T ra về. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, T quay lại nhà N để đòi tiền N còn nợ T. Lúc này, Công an quận N đang thực hiện Lệnh khám xét khẩn cấp đối nơi ở của Trương Thị N nên đã mời T về trụ sở để làm việc. Đây là lần đầu tiên T bán ma túy cho N. Tại thời điểm T bán ma túy cho N thì H cũng ở nhà N và chứng kiến.

Trong quá trình điều tra, Nguyễn Đức H thay đổi lời khai, phủ nhận T bộ lời khai trước đây và khai nhận không liên quan gì đến việc mua bán trái phép chất ma túy. H khai: Khoảng 19 giờ ngày 11/9/2021, H một mình đi đến nhà N ở số 2CT1Đ8 Đ, quận N, thành phố H để chơi. Đến nơi, N không có ở nhà mà chỉ có anh Long (chồng cũ của N) và con gái của N nên H ngồi đợi N về. Một lúc sau thì Công an quận N tiến hành thực hiện Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở đối với N tại số 2CT1Đ8 Đ, quận N, thành phố H. Lúc này có Chu Văn T và Sơn (H không biết lai lịch cụ thể) đến tìm N nên Cơ quan Công an mời T, Sơn vào nhà N. Sau đó, Cơ quan Công an yêu cầu tất cả những người có liên quan về trụ sở để làm rõ. H không biết và không liên quan gì đến việc N mua bán trái phép chất ma túy. Tại Cơ quan điều tra, H bị đánh đập, ép cung nên khai nhận sự việc như nội dung đã nêu trên. Ngoài ra, H khai nhận vào chiều ngày 11/9/2021, H vay của một người bạn xã hội số tiền 5.000.000 đồng và đưa trực tiếp cho N, số tiền này N dùng vào việc gì thì H không biết. H cũng không biết gì về số tiền 40.000.000 đồng N vay nợ của T. H không có mâu thuẫn, thù oán gì với N, T và T.

Trong quá trình điều tra, Chu Văn T thay đổi lời khai: Ngày 09/9/2021, T không bán ma túy cho N. Ngày 11/9/2021, T đến nhà N để đòi số tiền N còn nợ T. Khoảng tháng 8 năm 2021, T cho N vay số tiền 40.000.000 đồng không có giấy tờ gì. N đã trực tiếp trả cho T 1 lần 5.000.000 đồng tiền mặt. Khoảng 19 giờ ngày 11/9/2021, T đến nhà N đòi tiền thì N đang tắm, H đứng ra dùng điện thoại di động trả cho T số tiền 5.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản 101805111980 ngân hàng Vietinbank của T. T không nhớ H dùng số tài khoản của

H hay của N trả cho T. N bảo T cứ về đi, lát sau quay lại N sẽ trả hết cho T. T đồng ý và đi về nhà. Trên đường về, khi T đi tới đầu ngõ Lâm Tường thì gặp người bạn xã hội tên Tuấn (T không biết căn cước lai lịch) cho T một ít ma túy đá để T sử dụng. Nhận được ma túy, T đem về nhà tự sử dụng một mình hết. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, T lại đến nhà N để đòi số tiền nợ. Lúc này, Công an N đang khám xét nhà N nên đã mời T về trụ sở làm việc. Tại Cơ quan điều tra, T bị cán bộ Công an quận N đánh đập, ép cung, tinh thần không tỉnh táo do sử dụng ma túy đá nên đã nhận tội như nội dung lời khai ban đầu.

Tại bản Cáo trạng số 54/CT-VKS ngày 21/4/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân quận N, thành phố H đã truy tố các bị cáo Trương Thị N, Nguyễn Đức H và Châu Quang T và Chu Văn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; các bị cáo Trương Thị N, Nguyễn Đức H phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự ; bị cáo Chu Văn T phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; bị cáo Châu Quang T phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trương Thị N, Nguyễn Đức H và Châu Quang T khai nhận đã thực hiện T bộ hành vi của mình như nội dung Cáo trạng và xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo N khai khi T bán ma túy cho N có bị cáo H chứng kiến. Số ma túy T đưa cho N để trong vỏ bao thuốc lá Thăng Long bị bóp méo. Việc N mua ma túy về chia nhỏ để bán N không bàn bạc gì với H, H không góp tiền cho N mua ma túy, cũng không biết việc N chia nhỏ ma túy và cất giấu trong nhà như thế nào. Riêng bị cáo Nguyễn Đức H tại phiên tòa thành khẩn khai báo, bị cáo khai: Bị cáo có quan hệ tình cảm với bị cáo N, biết việc bị cáo N mua ma túy về chia nhỏ bán; H giúp sức N trong việc đưa ma túy bán cho Châu Quang T 02 lần vào ngày 08/9 và 11/9/2021. Bị cáo H cũng khai, khoảng đêm ngày 08/9 hoặc 09/9/2021 (bị cáo không nhớ chính xác ngày) khi đến nhà N, H có chứng kiến việc Chu Văn T đang bán cho N 01 gói ma túy, bị cáo nghe T nói với N gói ma túy đó được 10 gram, tiền mua ma túy N trả T như thế nào bị cáo không biết. Đối với lượng ma túy thu giữ được tại nơi ở của N bị cáo không biết. Tiền N mua ma túy bị cáo không biết N lấy ở đâu, bị cáo H không góp tiền mua ma túy với N và không được biết việc N mua ma túy cũng như về chia nhỏ ma túy như thế nào, cất giấu ở đâu...

Tại phiên tòa, bị cáo Chu Văn T giữ nguyên quan điểm đã thay đổi lời khai tại giai đoạn điều tra. Bị cáo không thừa nhận việc bán ma túy cho N ngày 09/9/2021 như N đã khai. Bị cáo khai ngày 11/9/2021 đến nhà N chơi để đòi tiền thì thấy cơ quan công an đang khám xét nơi ở của N nên bị bắt giữ. N còn nợ T trước đó là 40.000.000 đồng, đã trả được 5.000.000 đồng; N còn nợ T 35.000.000 đồng. Khi T đến lấy tiền, N có nhờ H dùng điện thoại chuyển khoản 5.000.000

đồng vào tài khoản của T và hẹn lần sau trả nốt. Trên đường về, khi T đi tới đầu ngõ Lâm Tường thì gặp người bạn xã hội tên Tuấn (T không biết căn cước lai lịch) cho T một ít ma túy đá để T sử dụng. Ma túy Tuấn cho T để trong vỏ bao thuốc lá Thăng Long bị bóp méo. Nhận được ma túy, T đem về nhà tự sử dụng một mình hết. Việc tại cơ quan điều tra bị cáo T khai nhận bán ma túy cho N là do bị cáo bị ép cung, đánh đập, tinh thần không tỉnh táo do sử dụng ma túy đá.

Điều tra viên được triệu tập đến phiên tòa trình bày: Việc bị cáo Chu Văn T khai bị bức cung, bị đánh đập, gây sức ép tại giai đoạn điều tra là hoàn toàn T không đúng. Việc lấy lời khai trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra không ép buộc bị cáo, không ép cung, nhục hình; những lời khai của bị cáo hoàn toàn T do bị cáo tự nguyện. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận N đã tiến hành điều tra vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b, q khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, các điều 17; 38; 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Trương Thị N với mức án từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Xử phạt Nguyễn Đức H mức án từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm q khoản 2 Điều 251; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Chu Văn T với mức án từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, các điều 17; 38; 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Châu Quang T với mức án từ 07 năm tù đến 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự, các bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, hoàn cảnh khó khăn, không có tài sản đảm bảo thi hành hình phạt bổ sung. Vì vậy đề nghị HĐXX miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại Nokia màu đen đã qua sử dụng, 01 điện thoại Iphone màu đen đã qua sử dụng;

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 phong bì niêm phong số 532MT-A/PC09 chứa 01 tàu thủy tinh; 01 phong bì niêm phong số 010908 chứa mẫu số 01, 02, 05 và vỏ bao bì sau giám định; 01 phong bì niêm phong số 8108/C09(TT2) bên trong chứa mẫu số 3 và vỏ bao gói còn lại sau giám định; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm 01 chai nhựa có nắp đậy 02 lỗ, một lỗ cắm ống hút nhựa; 01 bật lửa gas, 01 ống hút nhựa dài khoảng 07cm cắt vát một đầu, 30 vỏ gói nilon kích thước các loại, 01 cân tiểu ly, 01 hộp nhựa kích thước khoảng 3x5cm đường kính khoảng 03cm.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đức H 01 điện thoại Nokia màu đen đã qua sử dụng, 01 điện thoại Vivo OPPO màu xanh đã qua sử dụng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Buộc bị cáo Trương Thị N phải nộp lại 200.000 đồng, bị cáo Châu Quang T phải nộp lại 50.000 đồng là tiền do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe NOUVO mang BKS: 15B1-203.07, qua xác minh phương tiện chủ xe là ông Trần Tuấn Hưng có địa chỉ tại số 1/53 Trần Nhật Duật, phường Cầu Đất, quận N, thành phố H. Ông Hưng đã chuyển nhà đi từ năm 2009, địa phương không biết được nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, có căn cứ sẽ xử lý sau.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức H tại phiên tòa đồng ý với tội danh và điều luật mà Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo. Tuy nhiên, hình phạt đối với bị cáo là quá nghiêm khắc, hoàn cảnh bị cáo đã ly hôn, bố mẹ đều già yếu nên đề nghị Hội đồng xét xử xử bị cáo mức đề nghị khởi điểm của đại diện Viện Kiểm sát.

Các bị cáo N, H, T nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về gia đình, xã hội. Bị cáo T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại hành vi của bị cáo để xét xử đúng người, đúng tội vì bị cáo có con nhỏ không ai chăm sóc, vợ bị cáo đã ly hôn và bỏ đi.

Đối với người phụ nữ tên Hoa mua ma túy của T, người đàn ông tên Biên bán ma túy cho N và người đàn ông tên Tuấn bán ma túy cho T hiện chưa xác minh được lai lịch, địa chỉ, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ có căn cứ xử lý sau.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an quận N, thành phố H, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận N, thành phố H, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo Trương Thị N, Châu Quang T không có ý kiến hoặc KH nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; bị cáo Nguyễn Đức H thay đổi lời khai tại cơ quan điều tra, bị cáo trình bày bị đánh đập, ép cung nhưng tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn ăn hối cái, không có ý kiến gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Bị cáo Chu Văn T khai bị ép cung, bị đánh đập trong giai đoạn điều tra nhưng bị cáo không có tài liệu, chứng cứ chứng minh và không cung cấp được tên của Điều tra viên hay cán bộ điều tra đã ép cung bị cáo nên không có căn cứ xem xét.

- Về tội danh:

[2] Lời khai của các bị cáo Trương Thị N, Châu Quang T, Nguyễn Đức H tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo N, T và lời khai ban đầu của bị cáo H tại Cơ quan điều tra, lời khai của người chứng kiến, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ và niêm phong vật chứng, bản kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

[3] Vào tháng 9/2021, Trương Thị N, Nguyễn Đức H và Châu Quang T đã nhiều lần bán trái phép ma túy đá để kiếm lời, trong đó N là người trực tiếp đi mua ma túy để bán kiếm lời và giao dịch với khách mua ma túy, H là người giúp sức cầm ma túy đưa cho T, T là người trực tiếp đi bán ma túy cho khách. Khoảng 15 giờ ngày 08/9/2021, tại số 2 CT1 Đ8 phường Đ, quận N, thành phố H, Trương Thị N đã nhờ Nguyễn Đức H cầm 01 gói ma túy đá kích thước khoảng 02x02 cm có giá 200.000 đồng đưa cho T để mang bán cho 01 người đàn ông ở khu vực gầm cầu đường Nguyễn Văn Linh, quận Lê Chân, thành phố H. Khoảng 20 giờ ngày 11/9/2021, tại số 2 CT1 Đ8 phường Đ, quận N, thành phố H, Trương Thị N đã nhờ Nguyễn Đức H cầm 02 gói ma túy đá kích thước khoảng 02x02 cm, mỗi gói giá 200.000 đồng đưa cho T để đi bán cho 01 người phụ nữ tên Hoa để kiếm lời tại trước cửa chung cư H, phường Đ, quận N, thành phố H thì T bị Công an quận N bắt quả tang với lượng ma túy thu giữ là 1,38 gam Methamphetamine.

[4] Ngoài ra, Trương Thị N còn cất giấu 23 viên nén có khối lượng 0,8484 gam Methamphetamine và 8,4816 gam Ketamine và Delta9-Tetrahydrocannabinol nhằm mục đích bán kiếm lời. Tổng khối lượng ma túy Trương Thị N cất giấu nhằm mục đích bán kiếm lời là 2,2284 gam Methamphetamine và 8,4816 gam Ketamine và Delta9-Tetrahydrocannabinol. Tổng tỉ lệ phần trăm về khối lượng của

Methamphetamine, Ketamine và Delta9-Tetrahydrocannabinol so với mức tối thiểu đối với từng chất đó được quy định tại khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự là $2,2284:5 \times 100 + 8,4816:20 \times 100 = 44,57\% + 42,41\% = 86,98\%$ thuộc T hợp dưới 100%.

[5] Vào đêm ngày 09/9/2021, tại số 2 CT1 Đ8 phường Đ, quận N, thành phố H, Chu Văn T đã 01 lần bán cho Trương Thị N 01 gói ma túy đá có kích thước khoảng 05x05 cm được đựng trong 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long bị bóp méo với giá 5.000.000 đồng để N bán kiếm lời. Lượng ma túy đá còn lại thu giữ được là 2,22 gam Methamphetamine.

[6] Do vậy, đủ căn cứ xác định hành vi của các bị cáo Trương Thị N, Nguyễn Đức H, Châu Quang T và Chu Văn T đều phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Điều 251 Bộ luật Hình sự. Trong đó, T đã 01 lần bán trái phép chất ma túy cho N được trả công 50.000 đồng và 01 lần mua 02 gói ma túy của N để mang bán kiếm lời. N đã bán ma túy nhiều lần trong đó bán cho T 02 lần; H giúp sức N trong việc bán ma túy, 02 lần đưa ma túy cho T. Riêng bị cáo Chu Văn T không thừa nhận đã bán 01 gói ma túy trị giá 5.000.000 đồng cho N nhưng căn cứ lời khai của bị cáo N phù hợp với lời khai của bị cáo H về việc T mang 01 gói ma túy đến nhà N, giao cho N và H chứng kiến; phù hợp với bị cáo T tại giai đoạn đầu tại Cơ quan điều tra. Bị cáo T thay đổi lời khai, bị cáo không thừa nhận hành vi bán ma túy cho bị cáo N và trình bày tại giai đoạn điều tra bị cáo T bị bức cung, bị đánh đập, gây sức ép nên đã khai không đúng nhưng tại giai đoạn điều tra bị cáo không trình bày cụ thể về việc bị bức cung, dùng nhục hình. Tại phiên tòa, bị cáo T không chứng minh được ai đã bức cung, đánh đập, gây sức ép đối với bị cáo; Điều tra viên được triệu tập đến phiên tòa khẳng định việc lấy lời khai của bị cáo T và điều tra vụ án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; không có việc ép cung, đánh đập hay gây sức ép đối với bị cáo T nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét.

[7] Tại thời điểm thực hiện hành vi trên, các bị cáo là người trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của các bị cáo Trương Thị N, Nguyễn Đức H phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; bị cáo Chu Văn T phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; bị cáo Châu Quang T phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[8] Viện Kiểm sát nhân dân quận N, thành phố H đã truy tố các bị cáo về tội danh cũng như điều luật áp dụng là có cơ sở và đúng với quy định của pháp luật.

+ Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[9] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

+ Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[10] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Trương Thị N, Châu Quang T, tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Đức H khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Chu Văn T quanh co chối tội tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”; bị cáo T có ông nội là Chu Văn Bài là liệt sỹ nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

+ Về hình phạt chính:

[11] Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết định khung hình phạt, nhân thân của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự chứng tỏ các bị cáo N, H, T, T đều đã có tiền án, có nhân thân xấu, có ý thức coi thường pháp luật. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở đề nghị của Kiểm sát viên và kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy cần bắt các bị cáo cách ly khỏi xã hội một thời gian dài mới có đủ điều kiện giáo dục các bị cáo và phát huy tác dụng răn đe, đáp ứng yêu cầu phòng ngừa chung.

+ Về vai trò trong đồng phạm:

[12] Trong vụ án này, các bị cáo N, H, T đồng phạm với nhau trong việc bán ma túy, trong đó N đóng vai trò chính, là người đi mua ma túy, về chia nhỏ ma túy để bán; Hiền giúp sức N trong việc đưa ma túy cho T; T là người trực tiếp mang ma túy đi bán để hưởng lợi và mua lại ma túy của N để mang bán kiếm lời. Bị cáo N, H, T đã 02 lần bán trái phép chất ma túy. Đồng thời, bị cáo N có 01 tiền án về tội rất nghiêm trọng chưa được xóa án tích, bị cáo H có 02 tiền án chưa được xóa án tích mà các bị cáo lại tiếp tục thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng nên bị cáo N, H phải chịu 02 tình tiết định khung “phạm tội 02 lần trở lên” và “tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm b, q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Do đó, bị cáo N phải chịu mức hình phạt cao nhất, sau đó đến bị cáo H, bị cáo T phải chịu mức hình phạt thấp nhất. Bị cáo Chu Văn T thực hiện hành vi độc lập, trong đó bị cáo 01 lần bán trái phép chất ma túy cho N nhưng về nhân thân bị cáo T có 02 tiền án chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung

tăng nặng “tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

+ Về áp dụng hình phạt bổ sung:

[13] Xét các bị cáo không có tài sản riêng, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

+ Về xử lý vật chứng:

[14] Căn cứ vào điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại Nokia màu đen (thu của bị cáo H) đã qua sử dụng, 01 điện thoại Iphone màu đen (thu của bị cáo N) đã qua sử dụng. Tịch thu tiêu huỷ: 01 phong bì niêm phong số 532MT-A/PC09 chứa 01 tàu thủy tinh; 01 phong bì niêm phong số 010908 chứa mẫu số 01, 02, 05 và vỏ bao bì sau giám định; 01 phong bì niêm phong số 8108/C09(TT2) bên trong chứa mẫu số 3 và vỏ bao gói còn lại sau giám định; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm 01 chai nhựa có nắp đậy 02 lỗ, một lỗ cắm ống hút nhựa; 01 bật lửa gas, 01 ống hút nhựa dài khoảng 07cm cắt vát một đầu, 30 vỏ gói nilon kích thước các loại, 01 cân tiểu ly, 01 hộp nhựa kích thước khoảng 3x5cm đường kính khoảng 03cm. Buộc bị cáo Trương Thị N phải nộp lại 200.000 đồng, bị cáo Châu Quang T phải nộp lại 50.000 đồng là tiền do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đức H 01 điện thoại Nokia màu đen đã qua sử dụng, 01 điện thoại Vivo OPPO màu xanh đã qua sử dụng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án

+Về án phí:

[15] Các bị cáo Trương Thị N, Nguyễn Đức H, Châu Quang T, Chu Văn T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về quyền kháng cáo:

[16] Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[17] Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe NOUVO mang BKS: 15B1-203.07, qua xác minh phương tiện chủ xe là ông Trần Tuấn Hưng có địa chỉ tại số 01/53 Trần Nhật Duật, phường Cầu Đất, quận N, thành phố H. Ông Hưng đã chuyển nhà đi từ năm 2009 địa phương không nắm được nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, có căn cứ sẽ xử lý sau.

[18] Đối với người phụ nữ tên Hoa mua ma túy của T, người đàn ông tên Biên bán ma túy cho N và người đàn ông tên Tuấn bán ma túy cho T hiện chưa xác minh được lai lịch, địa chỉ, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ có căn cứ xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, q khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, các điều 17; 38; 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Trương Thị N 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt, ngày 12 tháng 9 năm 2021.

Căn cứ điểm b, q khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, các điều 17; 38; 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Đức H 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt, ngày 11 tháng 9 năm 2021

Căn cứ điểm q khoản 2 Điều 251, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Chu Văn T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt, ngày 12 tháng 9 năm 2021.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, các điều 17; 38; 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Châu Quang T 07 (bảy) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt, ngày 11 tháng 9 năm 2021.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Trương Thị N, Nguyễn Đức H, Chu Văn T, Châu Quang T.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại Nokia màu đen (thu của bị cáo H) đã qua sử dụng, 01 điện thoại Iphone màu đen (thu của bị cáo N) đã qua sử dụng;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong số 532MT-A/PC09 chứa 01 tàu thủy tinh; 01 phong bì niêm phong số 010908 chứa mẫu số 01, 02, 05 và vỏ bao bì sau giám định; 01 phong bì niêm phong số 8108/C09(TT2) bên trong chứa mẫu số 3 và vỏ bao gói còn lại sau giám định; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm 01 chai nhựa có nắp đậy 02 lỗ, một lỗ cắm ống hút nhựa; 01 bật lửa gas, 01 ống hút nhựa dài khoảng 07cm cắt vát một đầu, 30 vỏ gói nilon kích thước các loại, 01 cân tiểu ly, 01 hộp nhựa kích thước khoảng 3x5cm đường kính khoảng 03cm.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đức H 01 điện thoại Nokia màu đen đã qua sử dụng, 01 điện thoại Vivo OPPO màu xanh đã qua sử dụng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 22 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố H.

Buộc bị cáo Trương Thị N phải nộp lại 200.000 đồng, bị cáo Châu Quang T phải nộp lại 50.000 đồng là tiền do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Trương Thị N, Nguyễn Đức H, Chu Văn T, Châu Quang T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Trương Thị N, Nguyễn Đức H, Chu Văn T, Châu Quang T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

T hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND thành phố H;
- VKSND quận N;
- TAND thành phố H;
- Cơ quan điều tra Công an quận N;
- Chi cục THADS quận N;
- Cơ quan Thi hành án hình sự quận N;
- PV 06 Công an thành phố H;
- Sở Tư pháp thành phố H;
- Trại tạm giam Công an thành phố H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh T